TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-PT
Ngày: 26-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần M Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hường - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 69/2021/TLPT-PT ngày 24/11/2021 đối với các bị cáo: Nguyễn Thị H + ĐP do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình.

*** Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974 tại huyện M, Hòa Bình; nơi cư trú: Tiểu khu M, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Công chức, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M (nguyên là kế toán); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1941 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1942; bị cáo có chồng là Đinh Xuân T, sinh năm 1969 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/3/2019 bị Đảng ủy Cơ quan chính quyền huyện M quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức Khiển trách do không sâu sát trong kiểm soát để chuyển trả tiền thực hiện mô hình trồng tỏi không đạt hiệu quả như báo cáo kinh tế kỹ thuật đã phê duyệt, tại Quyết định số 31-QĐ/ĐU. Bị cáo là đảng viên chi bộ phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thuộc Đảng ủy cơ quan

Chính quyền huyện M. Ngày 06/8/2021 đã bị xử lý kỷ luật Đảng hình thức khai trừ về hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ gây thất thoát ngân sách Nhà nước (lần này). Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Kiều Văn C, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1979 tại huyện T, Hà Nội; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Viên chức, Trung tâm đào tạo và tư vấn PTNT – Trường C (nguyên là Giám đốc); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Quốc T (đã chết) và bà Kiều Thị T, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể ngày tuyên án 25/3/2021 về hành vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tháng 10 năm 2019, tại bản án số 38/2021/HSST ngày 25/3/2021. Bị cáo là đảng viên chi bộ 4, thuộc Đảng ủy Trường C. Ngày 25/5/2021 đã bị xử lý kỷ luật Đảng hình thức khai trừ do đã bị kết án về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020 đến ngày 17/12/2020 *(nêu tại bản án số 38/2021/HSST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La)*. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Lê Thị T, sinh ngày 28 tháng 2 năm 1988, tại huyện D, Nghệ An; nơi cư trú: Tổ H, khu C, thị trấn X – C - Hà Nội; nghề nghiệp: Viên chức, Trung tâm đào tạo và tư vấn PTNT – Trường C; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng C, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1963; bị cáo có chồng là Trần Quốc C, sinh năm 1977 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng kể ngày tuyên án 25/3/2021 về hành vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tháng 10 năm 2019, tại bản án số 38/2021/HSST ngày 25/3/2021. Bị cáo không phải là đảng viên. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị T: Luật sư Trịnh Khánh Toàn, Công ty luật TNHH MTV Phù Sa, thuộc Đoàn luật sư Tp Hà Nội. Có mặt.

*** Bị cáo không kháng cáo và bị kháng nghị:**

Nguyễn Thị M, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1983, tại huyện C, Hà Nội; nơi cư trú: Tổ N, khu C, thị trấn X – C - Hà Nội; nghề nghiệp: Viên chức, Trung tâm đào tạo và tư vấn PTNT – Trường C (nguyên là kế toán); trình độ văn hoá (học

vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1962; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là đảng viên chi bộ 4, thuộc Đảng bộ Trường C. Ngày 30/7/2021 đã bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng do đã bị truy tố về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ (lần này). Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị:**

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú C, Chức vụ: Chánh Văn Phòng HĐND, UBND huyện M.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M, tỉnh Hòa Bình. Đại diện ông Trần Mạnh T – Phó trưởng phòng.

- Đại diện theo ủy quyền của các học viên không hưởng lương 04 lớp tập huấn Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019 ở huyện M là ông Hà Văn S1, sinh năm 1964, nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Là Trưởng xóm V, học viên lớp tập huấn Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) mở tại thị trấn M(Lớp 1).

- Trường C. Địa chỉ: Km 36, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Lê Trung H - Hiệu trưởng.

- Trung tâm đào tạo và tư vấn Phát triển nông thôn (trong bản án viết tắt là Trung tâm). Địa chỉ: Địa chỉ: Km 36, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội. Đại diện ông Doãn Trung D– Phó giám đốc *(chưa có giám đốc)*.

- Bà Khà Thị T, sinh năm 1971; trú tại: X, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình *(là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự trong vụ án hình sự).*

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/01/2019, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định số 216/QĐ-UBND về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 (Trong đó, kinh phí đào tạo tập huấn nông thôn mới và chương trình OCOP tại huyện M là 300.000.000 đồng).

Ngày 08/7/2019, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M có tờ trình số 138/TTr-NNPTNT gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện M v/v xin phê duyệt dự toán kinh phí mở lớp tập huấn Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019.

Ngày 21/8/2019, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện M có công văn số 289/TCKH-NS V/v duyệt dự toán kinh phí mở lớp tập huấn chương trình OCOP năm 2019 gửi UBND huyện M.

Ngày 22/8/2019, UBND huyện M ra Quyết định số 2218/QĐ-UBND v/v duyệt dự toán kinh phí mở lớp tập huấn Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019 của Phòng NN&PTNT, số tiền 300.000.000 đồng, trong đó:

- Lớp mở tại Trung tâm huyện, số tiền 73.260.000 đồng.

- Lớp mở tại TT học tập cộng đồng xã T, số tiền 74.640.000 đồng.

- Lớp mở tại TT học tập cộng đồng xã M, số tiền 78.210.000 đồng.

- Lớp mở tại TT học tập cộng đồng xã T1, số tiền 73.890.000 đồng.

Hà Công S là trưởng phòng NN&PTNT huyện M, là người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện 04 lớp tập huấn chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019 tại huyện M với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Do chưa có kinh nghiệm về tổ chức chương trình OCOP và được Kiều Văn C là Giám đốc Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn – Trường C gặp để xin được là đơn vị thực hiện tổ chức lớp tập huấn nên S đã nhờ C xây dựng khái toán cho các lớp tập huấn, C đồng ý và giao nhiệm vụ cho Lê Thị T là cán bộ Trung tâm xây dựng khái toán. T xây dựng nội dung khái toán chi phí mở 04 lớp OCOP cho 22 xã và một thị trấn tại huyện M với tổng số tiền 300.470.000 đồng (gồm 204 học viên, trong đó 83 học viên hưởng lương và 121 học viên không hưởng lương) và gửi cho phòng NN&PTNT huyện M tham khảo. Khi nhận khái toán, S là người trực tiếp chỉnh sửa thành dự toán với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, gồm 244 học viên (trong đó 84 học viên hưởng lương và 160 học viên không hưởng lương) để trình phòng Tài chính huyện M thẩm định và UBND huyện M phê duyệt. Đến ngày 22/8/2019, UBND huyện M đã ra Quyết định số 2218/QĐ-UBND về việc duyệt dự toán kinh phí mở lớp tập huấn Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019 đúng bằng dự toán do S xây dựng.

Sau khi được UBND huyện M phê duyệt dự toán, S đã phô tô dự toán gửi cho Kiều Văn C nghiên cứu. C đã xem dự toán và bàn bạc với Nguyễn Thị M là kế toán của Trung tâm về việc sẽ trích lại cho phòng Nông nghiệp huyện M khoảng 25

- 30% tổng số tiền dự toán được duyệt. Đến đầu tháng 10/2019, C cùng M đến phòng Nông nghiệp huyện M để đề nghị xin được là đơn vị thực hiện 04 lớp tập huấn chương trình OCOP tại huyện M, khi đến C đi một mình vào gặp S để làm việc và đưa ra đề nghị sẽ trích lại cho phòng Nông nghiệp huyện M 30% tổng số tiền dự toán được duyệt cho 04 lớp tập huấn (tương đương số tiền là 90.000.000 đồng) và được S đồng ý. S nói với C sang tuần sau tổ chức thực hiện luôn (tức là vào khoảng từ ngày 14 đến ngày 18/10/2019). Trong lúc làm việc, C có tư vấn cho S là Trung tâm đã thực hiện nhiều lớp tập huấn chương trình OCOP, có nơi chỉ cần một ngày, có nơi hai ngày là có thể truyền đạt hết lượng kiến thức cần thiết cho các học viên. Để giảm bớt chi phí thực tế cho các lớp, S đã đồng ý và yêu cầu Trung tâm thực hiện tập huấn trong 02 ngày (theo dự toán được duyệt là 03 ngày) nhưng Trung tâm phải đảm bảo truyền đạt hết lượng kiến thức tại các chuyên đề có trong tài liệu tập huấn.

Sau đó, S giao cho ông Khà Văn D là phó trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M soạn thảo giấy mời gửi UBND 22 xã và thị trấn M. Khi giao nhiệm vụ S ấn định mời tổng số 204 học viên (theo dự toán được duyệt là 244 người, nhưng do ông D không được biết việc bàn bạc thỏa thuận giữa S và C, không được xem dự toán kinh phí nên không biết được dự toán được duyệt là bao nhiêu học viên nên chỉ thực hiện việc soạn thảo giấy mời gửi UBND các xã và thị trấn M với tổng số 204 học viên theo chỉ đạo của S).

Mặc dù phía phòng Nông Nghiệp và PTNT huyện M chưa ban hành Quyết định chỉ định trung tâm là đơn vị thực hiện, cũng như chưa ký hợp đồng đào tạo với trung tâm, nhưng từ ngày 14 đến 17/10/2019, Trung tâm đã phối hợp với phòng nông nghiệp huyện M tổ chức thực hiện xong 04 lớp tập huấn cho 204 học viên với thời lượng giảng dạy mỗi lớp là 02 ngày.

Do khi thực hiện các lớp tập huấn thì chưa được cấp hay tạm ứng kinh phí nên các chi phí đều do Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn ứng trước để thực hiện. Kiều Văn C giao nhiệm vụ thực hiện tổ chức lớp học cho Lê Thị T và Nguyễn Thị M. Trong đó, người trực tiếp chi trả các khoản chi phí trong suốt quá trình diễn ra các lớp tập huấn là Lê Thị T. Khi thực hiện, T đã được biết dự toán kinh phí tổ chức thực hiện 04 lớp tập huấn do UBND huyện M phê duyệt; còn về cách thức thực hiện, thời gian tập huấn và số lượng học viên tham gia tập huấn thì do lãnh đạo Trung T chỉ đạo và cán bộ phòng nông nghiệp huyện M hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Về thời lượng tập huấn theo dự toán được duyệt là 03 ngày/1 lớp, nhưng C đã chỉ đạo T chỉ thực hiện 02 ngày/1 lớp.

- Về số lượng học viên tham gia tập huấn của 04 lớp theo dự toán là 244 người. Tuy nhiên, danh sách các học viên thực tế tham gia tập huấn do phòng Nông nghiệp huyện M mời và cung cấp cho T chỉ có 204 người.

- Về Hỗ trợ chi phí đi lại và tiền ăn theo dự toán thì phải phát cho học viên không hưởng lương là 400.000 đồng/1 người và học viên có hưởng lương là 250.000 đồng/1 người. Thực tế, T chỉ phát hỗ trợ đồng đều cho 204 học viên tham gia tập huấn mỗi học viên 200.000 đồng theo sự chỉ đạo của C.

- Về hỗ trợ tiền ngủ cho 160 học viên không hưởng lương của 04 lớp theo dự toán là 600.000 đồng/1 người là 96.000.000 đồng. Do không biết thực hiện thuê phòng nghỉ cho học viên hay phát tiền để học viên tự thuê chỗ nghỉ nên T đã hỏi H – kế toán phòng nông nghiệp huyện M và được H hướng dẫn là vì các học viên học tại UBND các xã lân cận ở gần nhà các học viên, do đó không ngủ lại nên không phải thuê phòng nghỉ cũng như không phát tiền ngủ cho học viên.

Khi các lớp tập huấn kết thúc, phòng Nông nghiệp huyện M vẫn chưa làm các thủ tục chỉ định đơn vị thực hiện, chưa ký hợp đồng đào tạo với Trung tâm vì lý do khi thực hiện tập huấn thì các học viên không ngủ lại, không phải chi tiền thuê nhà nghỉ như dự toán được duyệt và một số nội dung chi thực tế khác đều thấp hơn dự toán được duyệt nên Nguyễn Thị H là kế toán phòng nông nghiệp đã tham mưu cho S không ký hợp đồng trọn gói để Trung tâm thực hiện, mà chỉ ký hợp đồng giảng dạy và trợ giảng. Đến cuối tháng 11/2019, do không hoàn thiện được hồ sơ, chứng từ để giải ngân số kinh phí theo dự toán được duyệt nên S đã gọi C đến để bàn về việc ký hợp đồng trọn gói. Tại đây có mặt S và H thuộc phòng nông nghiệp huyện M, C và M thuộc Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn đã thống nhất phía Trung tâm sẽ hoàn thiện chứng từ chi phí thực hiện 04 lớp tập huấn bằng với dự toán được duyệt, phía phòng nông nghiệp sẽ hoàn thiện thủ tục chỉ định đơn vị thực hiện, rút tiền từ kho bạc chuyển về tài khoản của Trung tâm và Trung tâm có trách nhiệm chuyển lại cho phòng Nông nghiệp 30% tổng số kinh phí là 90.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong với phòng Nông Nghiệp thì C giao nhiệm vụ cho M và T hoàn thiện chứng từ theo thống nhất trước đó với phòng Nông nghiệp để chuyển cho phòng nông nghiệp huyện M làm căn cứ giải ngân và quyết toán kinh phí thực hiện 04 lớp tập huấn.

Sau khi phía Trung tâm hoàn thiện chứng từ chi của 04 lớp tập huấn (riêng về chứng từ tiền ngủ cho các học viên phải lấy hóa đơn của nhà nghỉ tại huyện M nên T đã nhận tiền của Trung tâm do M đưa số tiền là 10.200.000 đồng, T đã đưa cho H để mua hóa đơn nhằm hợp thức hóa chứng từ đúng bằng số tiền theo dự toán được duyệt) và chuyển chứng từ thanh toán về phòng nông nghiệp huyện M thì H là người nhận hồ sơ và thực hiện việc lập, hoàn thiện chứng từ trình S ký để rút

tiền từ Kho bạc huyện M (gồm các tài liệu: 02 Quyết định về việc chỉ định đơn vị thực hiện lớp tập huấn chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019; 02 Hợp đồng đào tạo; 02 Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng; 02 Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; 02 giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; 02 Giấy rút dự toán ngân sách đã được Kho bạc nhà nước M xác nhận ngày 28/12/2019).

Ngày 30/12/2019, Trung T đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 113000177xxx của Trung tâm mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Láng – Hòa Lạc (thông qua 02 lần chuyển: lần 1 chuyển số tiền là 151.470.000 đồng và lần 2 chuyển số tiền là 148.530.000 đồng).

Ngày 17/01/2020, Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn đã chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng trích lại cho Phòng nông nghiệp huyện M theo thỏa thuận (Thông qua việc chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị M vào tài khoản cá nhân của Hà Công S).

Ngày 17/01/2020 tức ngày 23/12/2019 âm lịch, do bận rộn chuẩn bị đến Tết nguyên đán nên S chưa rút số tiền 90.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của mình. Đến ngày 03/4/2020, S đã rút số tiền 90.000.000 đồng và giao cho H để chi trả vào các khoản hoạt động chung của phòng Nông nghiệp và PTNT trong dịp tết nguyên đán năm 2020 như chi tiếp khách (có nhiều khoản nợ tiếp khách của các quán ăn trong năm 2019 chưa có nguồn để thanh toán), chi phí đi lại giao dịch làm việc, chi chúc tết các ban ngành, đoàn thể, chi mua quà tết cho cán bộ cơ quan nhân dịp tết nguyên đán năm 2020.

Về phía Trung tâm, khi các lớp tập huấn ở M diễn ra vào tháng 10/2019 thì Trung tâm chưa được phòng nông nghiệp huyện chuyển kinh phí để thực hiện mà Trung tâm phải ứng tiền trước để chi phí cho các lớp tập huấn. Số kinh phí thực tế chi phí cho 04 lớp tập huấn là 122.840.000 đồng đã được Trung tâm ứng trước từ nguồn thu của Trung tâm từ các dự án khác. Sau khi được chuyển số tiền 300.000.000 đồng, thì ngoài số tiền phải bù vào chi phí thực tế mà trung tâm đã ứng trước là 122.840.000 đồng và 90.000.000 đồng chuyển lại cho phòng Nông nghiệp và PTNT thì còn lại số tiền là 87.160.000 đồng Trung tâm vẫn để trên tài khoản để thực hiện việc chi phí cho các công việc của Trung tâm.

Tuy nhiên, do trên tài khoản của Trung tâm từ trước và sau thời điểm được Phòng Nông nghiệp huyện M chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng thì lúc nào cũng tồn tại số dư khoảng 2 tỷ đồng và Trung tâm thường xuyên phải rút tiền ứng trước để chi phí cho các công việc, chương trình dự án của Trung tâm (thường

xuyên gối việc, lấy tiền thanh toán dự án trước để ứng chi phí cho dự án sau) nên xác định số tiền 87.160.000 đồng nêu trên được sử dụng vào việc chung của Trung tâm nhưng không xác định được cụ thể từng nội dung chi vào việc gì.

Quá trình điều tra cho thấy, tổng số tiền chi thực tế cho 04 lớp tập huấn là 122.840.000 đồng, dự toán được duyệt là 300.000.000 đồng. Như vậy, hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ của các bị cáo đã gây thiệt hại số tiền là 177.160.000 đồng. Trong đó:

+ Thiệt hại cho 121 học viên không hưởng lương tham gia tại 04 lớp tập huấn số tiền là 12.100.000 đồng (do phát thiếu hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/người x 121 người là 12.100.000 đồng).

+ Thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 165.060.000 đồng.

- Do nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo Hà Công S đã có đơn xin tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả do hành vi sai phạm của mình gây ra gửi Cơ quan điều tra. Ngày 15/12/2020 Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản giao nhận số tiền 187.210.000 đồng của Hà Công S, đồng thời làm thủ tục gửi tài sản là vật chứng vụ án (số tiền 187.210.000 đồng) tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hòa Bình theo quy định. Đến nay, Cơ quan điều tra xác định hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc tổ chức, triển khai thực hiện 04 lớp tập huấn chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) năm 2019 tại huyện M của Hà Công S và đồng phạm gây thiệt hại số tiền 177.160.000 đồng. Như vậy, Hà Công S đã nộp tiền khắc phục hậu quả vượt số tiền là 10.050.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Nguyễn Thị M và Lê Thị T đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên đã thống nhất cùng nhau khắc phục hậu quả do hành vi sai phạm của mình gây ra. Tuy nhiên, toàn bộ hậu quả thiệt hại đã được Hà Công S nộp khắc phục cho Cơ quan điều tra nên các bị cáo đã thống nhất giao lại cho Hà Công S tổng số tiền là 107.160.000 đồng. Theo đó, các bị cáo đã khắc phục như sau:

+ Bị cáo Hà Công S: Số tiền 70.000.000 đồng;

+ Bị cáo Nguyễn Thị H: Số tiền 20.000.000 đồng;

+ Bị cáo Kiều Văn C: Số tiền 47.000.000 đồng;

+ Bị cáo Nguyễn Thị M: Số tiền 30.160.000 đồng;

+ Bị cáo Lê Thị T: Số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản án số 38/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình đã xét xử quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T, Nguyễn Thị M phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Văn C 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 14 (mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở nên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/10/2021 và ngày 27/10/2021 các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T đều có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 02/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình có Quyết định kháng nghị với nội dung: Đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T; đề nghị áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T; rút phần kháng nghị đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với kháng cáo của từng bị cáo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình có quan điểm như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H đề nghị: không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tăng hình phạt đối với bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Đối với bị cáo Kiều Văn C đề nghị: không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo C. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tăng hình phạt đối với bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

Đối với bị cáo Lê Thị T đề nghị: không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo T. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tăng hình phạt đối với bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm; là người có quan hệ lệ thuộc (là cấp dưới của bị cáo Kiều Văn C, làm theo sự chỉ đạo của C). Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tài liệu làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Xuân C và bà Vũ Thị L đều là những người có công với cách mạng được tặng thưởng các Huân chương Chiến công Hạng Nhì; Huân chương Quân kỳ Quyết thắng; Huy chương Chiến sỹ vẻ vang. Nhận thấy, mức hình phạt mà Toà án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo, là thỏa đáng, không vi phạm quy định tại Nghị quyết số 02/2018, ngày15/5/2018 của HĐTP TATC, đồng thời đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2020 ngày 30/12/2020 của HĐTP TATC. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 342 BLTTHS, VKSND tỉnh Hoà Bình rút phần kháng nghị phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M, đề nghị HĐXX phúc thẩm TAND tỉnh Hoà Bình căn cứ Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị T trình bày luận cứ bào chữa nêu quan điểm: Luật sư nhất trí với bản án sơ thẩm kết tội bị cáo T về tội Lợi dụng chức vụ

quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo C và bị cáo M; bị cáo có bố là người có công với Cách mạng; bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho hưởng án treo. Bị cáo Kiều Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo đã bỏ nhiều công sức để đi tìm hiểu, tư vấn cho các xã và huyện M về việc lựa chọn sản phẩm OCOP của các xã. Các bị cáo Nguyễn Thị H và Lê Thị T không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới nhưng cho rằng thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của S và của C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án này các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm và trong thời hạn luật định các bị cáo có kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận điều tra cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm đều thể hiện: Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, Hà Công S, Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Nguyễn Thị M và Lê Thị T trong quá trình thực hiện, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện 04 lớp tập huấn chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) tại huyện M vì động cơ vụ lợi, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền chương trình tập huấn, thống nhất cùng nhau thực hiện không đúng chương trình dự toán đã phê duyệt như: Thực hiện các lớp tập huấn khi chưa ký hợp đồng, rút ngắn thời gian tập huấn từ 03 ngày xuống 02 ngày, kê thêm 40 học viên, chi không đủ chế độ cho học viên không hưởng lương, mua bán hóa đơn phòng ngủ khi không phải chi tiền ngủ cho học viên, kê khống việc thuê trang thiết bị phục vụ các lớp tập hấn, kê thêm số lượng giảng viên, kê khống tiền thuê xe... và lập chứng từ khống để bằng với dự toán được phê duyệt là 300 triệu đồng, nhằm mục đích để có tiền thực hiện thỏa thuận giữa Kiều Văn C và Hà Công S là trích lại 30% dự toán tương đương 90 triệu đồng cho phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

huyện M và Trung tâm đào tạo tư vấn và phát triển nông thôn được hưởng 87.160.000 đồng. Hành vi của các bị cáo gây thiệt hại tổng số tiền là 177.160.000 đồng (trong đó, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 165.060.000 đồng và thiệt hại cho 121 học viên không hưởng lương tham gia tại 04 lớp là 12.100.000 đồng).

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo Hà Công S đã chết nên đình chỉ theo quy định của pháp luật. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo về tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Bản thân bị cáo H là người tham mưu trực tiếp cho Hà Công S ký hợp đồng, bản thân H nhận trách nhiệm là người mua hóa đơn hoàn thiện hợp thức hóa chứng từ tiền ngủ. H nhận thức rõ về việc lập khống chứng từ vì động cơ vụ lợi nhưng bị cáo cùng các bị cáo khác cố tình làm trái công vụ, gây thiệt hại cho nhà nước và các cá nhân học viên. Bị cáo đã bị xử lý kỷ luật Đảng bằng hình thức khiển trách, bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm vì mục đích vụ lợi. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù là nhẹ chưa đánh giá đúng tính chất, vai trò và mục đích phạm tội của bị cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo H. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng một phần hình phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo đúng nguyên tắc xử lý tội phạm tham nhũng và sự nghiêm minh của pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Kiều Văn C: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị Tòa xem xét tình tiết bị cáo đã bỏ nhiều công sức để đi tìm hiểu, tư vấn cho các xã và huyện M về việc lựa chọn sản phẩm OCOP của các xã. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo C là Giám đốc Trung tâm đào tạo và tư vấn PTNT, khi biết Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M được giao thực hiện tổ chức các lớp tập huấn, bị cáo đã chủ động tìm gặp Hà Công S để đề xuất là đơn vị tổ chức giảng

dạy và trích lại 30% số tiền theo dự toán phê duyệt. Trong vụ án này, bị cáo giữ vai trò chính, là người chỉ đạo nhân viên của mình thực hiện trái công vụ và ký hợp đồng hoàn thiện chứng từ khống để có tiền thực hiện như thỏa thuận với Phòng NN và PTNT huyện M, trong đó có lợi ích của bị cáo. Bản thân bị cáo đã bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm về tội " Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", như vậy bị cáo liên tục thực hiện hành vi phạm tội cùng trong nhóm tội phạm tham nhũng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù là nhẹ, không phù hợp với vai trò đầu vụ cũng như tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng một phần hình phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo đúng nguyên tắc xử lý tội phạm tham nhũng và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Thị T: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Bị cáo là người được Kiều Văn C giao quản lý, tổ chức các lớp tập huấn, trực tiếp chi trả các khoản chi phí thực tế trong suốt quá trình diễn ra các lớp tập huấn, bị cáo chính là người thực hiện các hành vi lập chứng từ khống để bằng với dự toán được phê duyệt, bị cáo đã thực hiện trái công vụ gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước và các cá nhân học viên. Bị cáo với vai trò là người thực hành tích cực, bản thân bị cáo đã bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử tách 52 tháng về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi tội phạm trong nhóm tội phạm tham nhũng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 tháng tù là nhẹ, không phù hợp vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo cũng như lời bào chữa của luật sư đối với bị cáo tại phiên tòa. Cần chập nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tăng một phần hình phạt tù đối với bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị M: Tại phiên phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát đã rút phần kháng nghị đối với bị cáo Nguyễn Thị M. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Kiều Văn C 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 19 (Mười chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn C, Lê Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/4/2022.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND h. M;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Trường